

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HC-ST

Ngày 09 - 6 - 2017

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Vĩnh và ông Bùi Xuân Ván.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huế - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 - 6 - 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST-HC, ngày 08- 02 - 2017 về “*Khiếu kiện quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST-HC, ngày 22 - 5 - 2017, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Dương Minh Th, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ trụ sở cơ quan: Số 02, N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hoàng Văn Th1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*Theo giấy ủy quyền số: 269/UBND -VP ngày 13-3-2017*) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05-01-2017 gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, người khởi kiện là ông Dương Minh Th trình bày:

Ngày 01-11-1994 ông được Ủy ban nhân dân (*viết tắt UBND*) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt GCNQSDĐ*) số D0359478, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 800 m², tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ngày 05-10-2015 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1836/QĐ-UBND (*viết tắt Quyết định số: 1836/QĐ-UBND*) về việc thu hồi GCNQSDĐ

trên. Sau khi nhận được quyết định thu hồi GCNQSDĐ ông Th đã khiếu nại nhưng không được giải quyết. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, ngày 05-10-2015 của UBND huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Do có sai sót trong việc đo đạc, lập bản đồ địa chính và tiến hành kê khai đăng ký tập trung với số lượng lớn, không đối chiếu với thực địa trước khi cho nhân dân kê khai, đăng ký cấp GCNQSDĐ dẫn đến một số trường hợp, trong đó có hộ ông Dương Minh Th được cấp GCNQSDĐ không đúng thực tế và cấp ra ngoài hành lang Quốc lộ 14B (*nay là Tỉnh lộ 682*). Qua kiểm tra thực tế, thửa đất đã cấp cho ông Th, hiện có 09 hộ sử dụng, trong đó có 04 hộ đã làm nhà.

Năm 2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ nhận được hồ sơ xin cấp đổi GCNQSDĐ của ông Hồ Thế Ph và bà Nguyễn Thị Mộng Ng. Sau khi kiểm tra hồ sơ xin cấp đổi GCNQSDĐ, Phòng Tài nguyên và Môi trường phát hiện trên phần đất ông Ph đề nghị cấp đổi có một phần đất thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 33 đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Dương Minh Th vào năm 1994. Ngày 30-12-2014, UBND huyện Đ ban hành Công văn số: 1473/UBND-TNMT về việc giao Thanh tra huyện Đ thẩm tra, xác minh và kết luận việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hồ Thế Ph và hộ ông Dương Minh Th. Ngày 29-7-2015, Thanh tra huyện Đ có Báo cáo số: 24/BC-TTr về kết quả xác minh việc cấp GCNQSDĐ cho ông Hồ Thế Ph và ông Dương Minh Th. Trên cơ sở kết luận của Thanh tra huyện, UBND huyện Đ ban hành công văn số: 975/UBND -TTr, ngày 31-7-2015 về việc xử lý kết luận sau thanh tra. Ngày 19-8-2015, UBND huyện Đ ban hành Thông báo số: 125/TB-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp đổi với ông Dương Minh Th. Ngày 05-10-2015, UBND huyện Đ ban hành quyết định số: 1836/QĐ-UBND, về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Dương Minh Th, để cấp đổi lại GCNQSDĐ theo đúng hiện trạng sử dụng; lý do thu hồi: Giấy chứng nhận đất đã cấp không đúng các quy định của pháp luật đất đai.

Căn cứ để UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông Th theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số: 1494/QĐ-UBND, ngày 20-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Nông quy định lộ giới Quốc lộ 14; khoản 4 Điều 87 Nghị định số: 43/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 của Chính phủ (*viết tắt Nghị định số: 43/NĐ-CP*) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, tuân thủ các quy định của pháp luật Tố tụng Hành chính. Về nội dung: Quyết định số: 1836/QĐ-UBND ban hành đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013. Tuy nhiên, về hình thức văn bản chưa thực hiện đúng Điều 12 Thông tư số: 01/2011/TT-BNV, ngày 19-01-2011 của Bộ Nội vụ. Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định đất của ông Th được cấp giảm 42 m² so với GCNQSDĐ đã cấp cho ông Th, thuộc trường hợp cấp không đúng diện tích theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai và cấp chồng lên hành lang bảo vệ đường bộ theo quyết định: 1494/QĐ-UBND ngày 20-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Nông. Song, trước khi ban hành Quyết định: 1836/QĐ-UBND huyện Đ chưa xác minh làm rõ lý do đất của ông Th bị giảm 42 m² so với GCNQSDĐ là không đúng quy định của pháp luật. Tại khoản 8 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP quy định: *“8. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật do lỗi của người sử dụng đất hoặc do cấp không đúng đối tượng thì hướng dẫn cho người sử dụng đất làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định”*. UBND huyện Đ thu hồi GCNQSDĐ của ông Th với lý do cấp không đúng diện tích, nghĩa là không phải do lỗi của ông Th, nhưng tại Quyết định số: 1836/QĐ-UBND của UBND huyện Đ đã không có quyết định về việc cấp lại GCNQSDĐ cho ông Th. Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND Đ cho rằng ông Th chỉ được xem xét cấp lại GCNQSDĐ khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Th với những hộ dân khác. Như vậy, Quyết định số: 1836/QĐ-UBND của huyện Đ ban hành trái với quy định tại khoản 8 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của ông Th. Mặt khác, UBND huyện Đ căn cứ Quyết định số: 1494/QĐ-UBND ngày 20-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Nông để đo đạc và xác định đất ông Th được cấp đã chồng lên hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 14 (cũ) nay là tỉnh lộ 682. Tuy nhiên, Quyết định số: 1494/QĐ-UBND đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số: 621/QĐ-UBND, ngày 24-5-2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Ngoài ra, tại Công văn số: 1044/KQLĐBV-QGI ngày 27-8-2008 của Cục quản lý đường bộ V xác định: *“Thực hiện Nghị định số: 203/HĐBT, ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng, về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ. Quốc lộ 14 và Quốc lộ 28 đã được trồng mốc lộ giới năm 1995”*. Như vậy, đất của ông Th được cấp GCNQSDĐ vào năm 1994, khi lộ giới Quốc lộ 14 chưa được cắm mốc, do vậy không có căn cứ để xác định đất

của ông Th cấp chồng lên hành lang an toàn giao thông. Bên cạnh đó, tại thời điểm UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1836/QĐ-UBND thì đoạn Quốc lộ 14 đi qua đất ông Th đã chuyển thành Tỉnh lộ 682, đồng thời việc sử dụng đất của ông Th không cản trở hành lang an toàn giao thông. Theo quy định tại Điều 157 của Luật đất đai 2013; điểm b, c khoản 4 Điều 56 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, thì ông Th tiếp tục được sử dụng diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ. Như vậy, Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, ngày 05-10-2015 của UBND huyện Đ là không đúng quy định pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; điểm d khoản 1 Điều 106; Điều 157 Luật đất đai 2013; Điều 56, khoản 8 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh Th, hủy toàn bộ Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, ngày 05-10-2015 của UBND huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 05-10-2015, UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 1836/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số D0359478, thửa số 77, tờ bản đồ số 33, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, cấp ngày 01-11-1994 mang tên ông Dương Minh Th.

Quyết định số: 1836/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Ủy ban nhân dân huyện Đ không cung cấp được chứng cứ về thời điểm giao Quyết định số: 1836/QĐ-UBND cho ông Dương Minh Th. Tuy nhiên, ông Dương Minh Th trình bày khi ông nhận được Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, ông đã làm đơn gửi UBND huyện Đ và UBND xã Đ nhưng không được giải quyết, do đó ngày 26-12-2016 ông đã khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ Công văn số: 07/CV-UBND, ngày 15-7-2016 của UBND xã Đ, huyện Đ gửi Tòa án nhân dân huyện Đ, thì thời điểm ông Dương Minh Th gửi đơn kiến nghị đến UBND xã Đ là ngày 04-7-2016. Như vậy, thời hiệu khởi kiện quyết định số: 1836/QĐ-UBND của UBND huyện Đ trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án

hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[2]. Về nội dung:

2.1. Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Quyết định hành chính số: 1836/QĐ-UBND ngày 05-10-2015;

Về hình thức của Quyết định số: 1836/QĐ-UBND: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số: 1836/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số D0359478, thửa số 77, tờ bản đồ số 33, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, cấp ngày 01-11-1994 mang tên ông Dương Minh Th, là đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản.

Nội dung của Quyết định số: 1836/QĐ-UBND: Một trong các căn cứ để UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, đó là Công văn số: 975/UBND-TTr, ngày 31-7-2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc xử lý kết luận sau thanh tra và Báo cáo số: 24/BC-TTr, ngày 29-7-2015 của Thanh tra huyện Đ. Hai văn bản trên đều nêu lý do để thu hồi GCNQSDĐ số D0359478, thửa số 77, tờ bản đồ số 33, cấp ngày 01-11-1994 là: “*Cấp không đúng các quy định của pháp luật (cấp không đúng diện tích và cấp ra ngoài lộ giới Quốc lộ 14)*”. Cụ thể, thửa đất thửa số 77, tờ bản đồ số 33 bị giảm 42m² và cấp ra ngoài lộ giới Quốc lộ 14 là 498m² so với GCNQSDĐ đã cấp đối với ông Th. Tại các biên bản đối thoại ngày 28-4-2017 và ngày 17-5-2017, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện khẳng định theo kết quả thẩm tra, xác minh thì thửa số 77, tờ bản đồ số 33 đã cấp cho ông Dương Minh Th giảm 42m² so với GCNQSDĐ đã cấp và cấp ra ngoài hành lang Quốc lộ 14B (*nay là đường tỉnh lộ 682*). Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ để cấp đổi lại GCNQSDĐ theo đúng hiện trạng sử dụng. Tuy nhiên, kết quả đo đạc ngày 27-7-2015 được nêu trong Báo cáo số: 24/BC-TTr, ngày 29-7-2015 của Thanh tra huyện Đ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã căn cứ vào Quyết định số: 1494/QĐ-UBND, ngày 20-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Nông để đo đạc xác định lộ giới Quốc lộ 14B là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số: 203/HĐBT, ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Mặt khác, Quyết định số: 1494/QĐ-UBND, ngày 20-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Nông đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số: 621/QĐ-UBND, ngày 24-5-2012 của UBND tỉnh Đắk Nông. Ngoài ra, tại thời điểm UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ số D0359478, thửa số 77, tờ bản đồ số 33 thì Quốc lộ 14B đã chuyển thành đường tỉnh lộ 682; đồng thời người sử dụng đất cũng không gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ.

Khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*3. Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang bảo vệ an*

toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình”.

Khoản 4 Điều 56 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, quy định:

“4. Tổ chức trực tiếp quản lý công trình có hành lang bảo vệ an toàn có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định sau:

a) Trường hợp sử dụng đất có ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình hoặc trường hợp hoạt động của công trình có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khỏe của người sử dụng đất thì cơ quan có chức năng quản lý nhà nước đối với công trình tiến hành thẩm định mức độ ảnh hưởng, nếu phải thu hồi đất thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để quyết định thu hồi đất đó. Người có đất thu hồi được bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có từ trước khi hành lang an toàn công trình được công bố, tái định cư theo quy định của pháp luật.

Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì chủ công trình và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục. Chủ công trình phải chịu trách nhiệm đối với việc khắc phục đó; nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và người có đất thu hồi được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì người đang sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và phải tuân theo các quy định về bảo vệ an toàn công trình;”

2.2. Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số: 1836/QĐ-UBND.

Căn cứ khoản 1 khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, thì việc UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số: 1836/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, việc ký Quyết định số: 1836/QĐ-UBND là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 110/2004/NĐ-CP, ngày 08-4-2004; khoản 2 Điều 4 Nghị định số: 91/2006/NĐ-CP ngày 06-9-2006 của Chính phủ.

2.3. Mối liên hệ giữa Quyết định số: 1836/QĐ-UBND với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Căn cứ Báo cáo số: 24/BC-TTr, ngày 29-7-2015 của Thanh tra huyện Đ,

thì nguồn gốc đất ông Dương Minh Th được cấp GCNQSDĐ là do Hợp tác xã M giao cho sử dụng từ năm 1986.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0359478, thửa số 77, tờ bản đồ số 33, ông Dương Minh Th được UBND huyện Đ cấp ngày 01-11-1994 là đúng các quy định của Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành (*Được thể hiện trong Sổ Mục kê đất, Sổ Địa chính, Bản đồ dải thửa, Đơn xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận, phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục*). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thừa nhận: Trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ thửa số 77, tờ bản đồ số 33, đối với Dương Minh Th là đúng pháp luật. Song, tại Điều 1 Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, nêu lý do thu hồi: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng với các quy định của pháp luật đất đai*” là mâu thuẫn và không có căn cứ.

Tại Báo cáo số: 24/BC-TTr, ngày 29-7-2015 của Thanh tra huyện Đ và văn bản về việc xử lý kết quả thanh tra của UBND huyện Đ, đều nêu lý do để thu hồi GCNQSDĐ số D0359478, thửa số 77, tờ bản đồ số 33, cấp ngày 01-11-1994 đối với ông Dương Minh Th là: “*Cấp không đúng các quy định của pháp luật (cấp không đúng diện tích và cấp ra ngoài lộ giới Quốc lộ 14)*”. Như vậy, lý do để UBND huyện Đ thu hồi GCNQSDĐ đối với ông Th không chỉ căn cứ vào nội dung là “*Cấp không đúng diện tích*” mà còn căn cứ vào nội dung “*Cấp ra ngoài lộ giới Quốc lộ 14*”. Kết quả đối thoại, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện khẳng định thu hồi GCNQSDĐ của ông Th để cấp đổi lại GCNQSDĐ cho đúng hiện trạng sử dụng. Do vậy, việc cấp đổi GCNQSDĐ đối với ông Th được xác định là không bao gồm diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo như báo cáo của Thanh tra huyện Đ. Bên cạnh đó, tại Biên bản kiểm tra đất đai thực địa ngày 03-5-2017 của Thanh tra huyện Đ và đại diện UBND xã Đ, xác định: Căn cứ kết quả đo đạc ngày 27-7-2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, thì có hộ ông Phạm Đức T đã xây nhà diện tích 84m² và hộ bà Q xây dựng quây tạp hóa cấp 4 diện tích 20m² trên diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận cho ông Th.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày việc cấp đổi GCNQSDĐ đối với ông Th bao gồm cả diện tích nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ (*diện tích 758m²*) và việc cấp đổi sẽ được thực hiện sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Thanh và hộ sử dụng đất liền kề (*thực tế có hộ sử dụng đất liền kề đã làm nhà trên diện tích đất đã cấp cho ông Th*). Tại khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, quy định: “*Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền*

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 105 của Luật này quyết định sau khi đã có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai”. Tuy nhiên, tại thời điểm thu hồi GCNQSDĐ đối với ông Th, thì diện tích đất hộ ông T và bà Q đang sử dụng (đã làm nhà) và các hộ khác (07 hộ) theo biên bản tự khai ngày 14-3-2017 của người bị kiện, chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, ngày 05-10-2015 của UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi GCNQSDĐ số D0359478, cấp ngày 01-11-1994, thửa số 77, tờ bản đồ số 33 đối với ông Dương Minh Th là không đúng với các quy định tại khoản 3 Điều 106, Điều 157 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 56 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số: 1836/QĐ-UBND đã làm thay đổi, hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của ông Dương Minh Th đối với việc sử dụng thửa đất nêu trên.

[3]. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh Th về việc hủy quyết định số: 1836/QĐ-UBND ngày 05-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Do quyết định số: 1836/QĐ-UBND ngày 05-10-2015 bị hủy nên UBND huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 3 Điều 106, Điều 157 của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 56, khoản 4 khoản 8 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh Th, hủy toàn bộ Quyết định số: 1836/QĐ-UBND, ngày 05-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0359478, thửa số 77, tờ bản đồ số 33, cấp ngày 01-11-1994 đối với ông Dương Minh Th.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án:

Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại ông Dương Minh Th số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 000432, ngày 07-02-2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THA tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: TTL, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Đức Dương